

TĂNG TRƯỞNG VÀ CẢI CÁCH TRONG BỐI CẢNH KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ - TRƯỜNG HỢP CỦA TRUNG QUỐC¹

Đinh Văn Ân*
Nguyễn Thị Tuệ Anh**

Nền kinh tế thế giới đang trải qua diễn biến phức tạp của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế (KHTCQT). Hầu hết các quốc gia đang chịu tác động của cuộc khủng hoảng này ở các mức độ khác nhau, trong đó Trung Quốc là một trong những nước của nhóm nước chịu tác động nặng nề nhất. Từ sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc liên tục duy trì được tốc độ tăng trưởng nhanh, với tốc độ trung bình 10,27% trong giai đoạn 2002 - 2007, nhưng cũng từ đó tăng trưởng nước này ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào cầu tiêu dùng của bên ngoài và không thể tách rời khỏi nền kinh tế thế giới.

1. Tác động của khủng hoảng tài chính quốc tế đến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc và phản ứng chính sách của Chính phủ

Bất chấp tác động tiêu cực của KHTCQT từ 6 tháng cuối năm 2008, kinh tế Trung Quốc vẫn tăng trưởng 9%, giảm 2,4 điểm phần trăm so với năm 2007. Tuy nhiên, từ tháng 1 năm 2009, tác động suy giảm kinh tế của KHTCQT bắt đầu ngấm sâu hơn đối với Trung Quốc²:

- Tốc độ tăng GDP quý 1/2009 đạt 6,1%, tức là vẫn tiếp tục giảm tốc và thấp hơn mức 6,8% của quý 4/2008;

- Sản lượng công nghiệp quý 1/2009 tăng 5,1%, nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2007 11,3%;

- Kim ngạch xuất khẩu tháng 2/2009 giảm 25,7% và giảm 17% trong tháng 3/2009.

- Ước tính 20 triệu người thất nghiệp do khủng hoảng, 4 triệu người thiếu việc làm, 6 triệu người đang tìm việc làm. Phần lớn lao động mất việc làm là lao động đến từ khu vực nông thôn. Từ đó dẫn đến tình trạng dòng di cư lao động ngược chiều từ thành thị về nông thôn và đang gây sức ép lớn đối với khu vực phi kết cấu xét về số việc làm, điều kiện làm việc cũng như khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đang yếu và thiếu ở nông thôn.

Trong số các kênh truyền tác động tiêu cực của KHTCQT, giảm cầu hàng hóa và dịch vụ ở các thị trường xuất khẩu, giảm dòng vốn tư nhân gồm FDI và vốn đầu tư gián tiếp có lẽ là hai kênh chính đối với trường hợp của Trung Quốc.

Ngay từ quý 4 năm 2008, Trung Quốc đã phản ứng nhanh bằng gói kích thích kinh tế 4 nghìn tỷ NDT (gần 590 tỷ USD). Mục tiêu của gói kích thích kinh tế là nhằm duy trì mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2009, phát triển nông thôn, giảm khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn và tái cơ cấu ngành công nghiệp. Trọng tâm của gói giải pháp là kích cầu tiêu dùng và đầu tư ở khu vực nông thôn thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư cho giáo dục, y tế, dịch vụ

* Đinh Văn Ân, Tiến sĩ kinh tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

** Nguyễn Thị Tuệ Anh, Tiến sĩ kinh tế, Phó trưởng ban Khoa học Quản lý kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

xã hội cơ bản, an sinh xã hội khu vực nông thôn; xây dựng nhà ở xã hội; tái thiết lại cơ sở hạ tầng tỉnh Tứ Xuyên sau hậu quả nặng nề của động đất trong năm 2008 và một phần sử dụng để tái cơ cấu một số ngành công nghiệp chịu tác động nặng nề của KHTCQT (ví dụ ngành chế biến như dệt,

may, ngân hàng...). Tuy vậy, mục tiêu 8% tăng trưởng GDP trong năm 2009 là một thách thức lớn đối với Trung Quốc. Nhưng nếu không đạt mục tiêu tăng trưởng 8%, Trung Quốc có thể phải đối mặt với vấn đề thất nghiệp gia tăng và chi phí tăng cho đảm bảo an sinh xã hội.

Hộp 1: Cuộc khủng hoảng tài chính có thể ảnh hưởng đến các nước đang phát triển qua những con đường nào?

Theo ý kiến của các chuyên gia, các nước đang phát triển có thể bị ảnh hưởng thông qua nhiều kênh khác nhau, chẳng hạn:

1. Do giảm dòng vốn tư nhân gồm FDI và vốn đầu tư gián tiếp;
2. Bất ổn tăng trên thị trường vốn;
3. Rủi ro về tỷ giá hối đoái do dòng vốn thiếu ổn định;
4. Có thể giảm vốn ODA và cho vay nợ của các nước phát triển;
5. Giảm cho vay tín dụng thương mại;
6. Có thể giảm tiền gửi về nước (kiểu hối);
7. Giảm cầu hàng hóa và dịch vụ ở các nền kinh tế phát triển (hàng hóa cuối cùng và hàng hóa trung gian; cầu đối với xuất khẩu dịch vụ của nước đang phát triển);
8. Giảm cầu đối với những hàng hóa có thể gây bất ổn giá hàng hóa nói chung. Tác động qua kênh này và còn phụ thuộc vào nước bị ảnh hưởng là nước dư mua hay dư bán hàng hóa đó.
9. Một số kênh khác, ví dụ một số nước xuất khẩu lao động có thể bị ảnh hưởng do giảm cầu lao động nước ngoài ở các nước cũng bị ảnh hưởng của KHTCQT như thành viên của EU, Nga v.v.

Ngoài ra, KHTCQT có thể tác động đến mục tiêu phát triển con người và xóa đói giảm nghèo ở các nước đang phát triển thông qua kênh thương mại, đặc biệt với gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Nếu tự do hóa thương mại được coi là động lực của tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo trước khi KHTCQT xảy ra, thì chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch gia tăng có nghĩa là thương mại sẽ đánh mất vai trò động lực này. Hệ quả là có thể gia tăng thất nghiệp, thiếu việc làm; điều kiện lao động tồi đi do bùng nổ lao động trong khu vực phi kết cấu, gây tác động ngược đến vấn đề giới, phát triển con người và thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ.

Nguồn: Báo cáo tại Diễn đàn về Tăng trưởng và cải cách trong bối cảnh khủng hoảng tài chính quốc tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, tháng 4/2009.

Trong thực hiện các giải pháp chống tác động của KHTCQT, Trung Quốc đã nhấn mạnh chính sách phát triển nông thôn, bao gồm chính sách đất đai đối với nông dân, cải cách ruộng đất, đô thị hóa gắn với tạo việc làm và nâng thu nhập ở nông thôn, cung cấp và tăng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở vùng nông

thôn. Đối với người nghèo và nông dân, đất đai không chỉ tạo thu nhập, mà còn là tài sản đảm bảo xã hội. Trong khi đó, đầu tư cho dịch vụ xã hội cơ bản chưa tương xứng cho vùng nông thôn. Hệ quả của nó là làm trầm trọng thêm tác động xấu của KHTCQT đến khu vực này cũng như cả nền kinh tế.

Theo số liệu của Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong ba tháng đầu năm diễn ra theo hai hướng trái ngược nhau. Chỉ số này trong tháng 1/2009 tăng 1% so với một năm trước đó, nhưng trong tháng 2/2009 lại giảm 1,6%, tháng 3/2009 giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2008. Tuy nhiên, chỉ số giá lương thực tăng cao trong tháng 2 và 3/2009. Về tổng thể, chỉ số CPI giảm 0,6% trong ba tháng đầu năm. Theo đó, đã có một số ý kiến cảnh báo trước hiện tượng giảm phát, nhưng một số khác cho rằng vẫn còn sớm, chưa đủ căn cứ vì chỉ số giá cả có dấu hiệu tăng trở lại trong tháng 4/2009. Ngoài ra, giá dầu vào sản xuất giảm trong các tháng đầu năm cũng ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng chỉ số CPI giảm trong hai tháng liên tiếp có thể là biểu hiện chứng tỏ những biện pháp thực hiện chưa đủ để kích thích kinh tế. Một khả năng là do các chương trình được hỗ trợ chưa phát huy tác dụng mặc dù vẫn ghi nhận tăng trưởng tín dụng từ tháng 2/2009 cho các chương trình này. Một nguyên nhân khác do các biện pháp kích cầu trong nước chưa thực sự tác động đến cầu tiêu dùng ở khu vực nông thôn. Đó cũng là hạn chế lớn nhất của gói kích cầu nhằm chống tác động của KHTCQT gắn với phát triển khu vực nông thôn về lâu dài,

trong khi đó tăng cầu ở khu vực nông thôn được cho là có tính quyết định đến tăng cầu tiêu dùng trong nước. Vì vậy, đã có đề xuất về việc phát triển ngành công nghiệp chế biến (CNCB) tại nông thôn, tiếp theo là thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ phục vụ CNCB, từ đó tạo ra cầu nối giữa ngành CNCB và dịch vụ. Cách tiếp cận này góp phần tạo việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn, có nghĩa là kích thích tăng tiêu dùng ở nông thôn.

Để vượt qua khủng hoảng, một trong những giải pháp quan trọng nữa của Trung Quốc là đẩy mạnh hợp tác kinh tế khu vực Trung Quốc – ASEAN, ASEAN+3 (ba quốc gia là Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản). Thông qua hợp tác khu vực, Trung Quốc tỏ rõ quan điểm nhất quán ủng hộ tiếp tục mở cửa và phản đối chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch quốc tế. Hợp tác khu vực không chỉ nhằm phát triển kinh tế lâu dài mà còn là một giải pháp cần thiết nhằm chống tác động của KHTCQT đối với Trung Quốc cũng như cho các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Hợp tác khu vực nhằm chống tác động xấu của KHTCQT vẫn lấy hợp tác kinh tế Trung Quốc-ASEAN là điểm tựa, trong đó trọng tâm là đẩy nhanh hợp tác thương mại và đầu tư³.

Hộp 2: Thúc đẩy hợp tác khu vực giữa Trung Quốc – ASEAN nhằm hình thành cực tăng trưởng phía Tây trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới

Từ năm 2002 đến nay, tức là sau một năm gia nhập WTO, Trung Quốc rất tích cực đẩy mạnh hợp tác kinh tế khu vực Trung Quốc – ASEAN, đặc biệt với Việt Nam. Kết hợp với chính sách của Trung Quốc phát triển hướng về phía Tây, những nỗ lực này là nhằm hình thành cực tăng trưởng phía Tây giữa Trung Quốc và ASEAN. Trong chiến lược này, thúc đẩy kinh tế Quảng Tây để từ đó tạo tác động lan tỏa tăng trưởng sang các tỉnh phía Tây khác là chính sách ưu tiên của Trung Quốc. Để hiện thực hóa mục tiêu, các bên đã xây dựng Khung hợp tác toàn diện giữa Trung Quốc và ASEAN. Phạm vi hợp tác chính gồm:

- Xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN bắt đầu từ năm 2002, dự kiến hoàn thành vào năm 2010. Hiện đã ký Hiệp định thương mại hàng hóa, đang đàm phán hiệp định thương mại dịch vụ. Hiệp định này cũng là hiệp định thương mại đầu tiên giữa Trung quốc và các nước đang phát triển.
- Thiết lập hợp tác tiểu vùng như hợp tác tiểu vùng sông Mêkông mở rộng.
- Năm 2004 Việt Nam đề xuất sáng kiến “Hai hành lang, một vành đai”.
- Năm 2006 phía Trung Quốc đề xuất kế hoạch xây dựng hợp tác kinh tế Vịnh Bắc

bộ mở rộng gồm Việt Nam, Trung Quốc và nhiều quốc gia Đông Nam Á tham gia để qua đó đẩy mạnh hợp tác kinh tế khu vực. Năm 2006, Quảng Tây lập đề án Khu kinh tế vịnh Bắc bộ Quảng Tây và được phê duyệt trong năm 2008.

- Tháng 1/2007 Quảng Tây và Lạng Sơn đã ký Biên bản chung về Khu kinh tế xuyên biên giới Đồng Đăng và Bằng Tường.

- Tháng 7/2008 Việt Nam phê duyệt hành lang Lạng Sơn-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh đến năm 2020. Đây là cấu phần quan trọng của hợp tác hai hành lang một vành đai.

Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng một mặt nhằm nâng cao hợp tác tiểu vùng và đóng góp vào hợp tác chung của Trung Quốc với ASEAN, nhưng mặt khác đều nhằm xây dựng cực tăng trưởng miền Tây.

Cơ sở mở rộng hợp tác Vịnh Bắc bộ là ưu thế về địa lý, điều kiện phát triển kinh tế tốt của vùng cần được khai thác của các nước trong khu vực có chung biển Đông. Với dân số Trung Quốc và ASEAN khoảng 1,8 tỷ người, đây là khu vực có thị trường rộng, tiềm năng, có đường biển dài với nhiều tài nguyên biển quý giá, tài nguyên du lịch phong phú.

Mục tiêu chính của hợp tác Vịnh Bắc bộ mở rộng là: (1) Xây dựng vùng cảng trọng điểm; (2) Thực hiện phân công lao động và thúc đẩy đầu tư và thương mại; và (3) Phát triển công nghiệp ven biển, khai thác tài nguyên biển. Qua đó hình thành cụm cảng biển, xây dựng và phát triển cụm ngành nghề ven biển, thúc đẩy hợp tác kinh tế vùng. Nguyên tắc hợp tác vùng gồm bốn tiêu chí: hiệu quả, mở cửa, minh bạch và cùng có lợi.

Nội dung chính của hợp tác Vịnh Bắc bộ gồm có xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, tạo tác động lõi cuốn các ngành nghề phát triển. Ưu tiên phát triển ba lĩnh vực: (1) vận tải, giao thông đường biển; (2) tài chính ngân hàng, ngư nghiệp, nông nghiệp, khai thác tài nguyên, du lịch và bảo vệ môi trường; (3) đào tạo nguồn nhân lực, giáo dục, y tế, phòng chống bệnh dịch.

Hình thức hợp tác là tổ chức các diễn đàn, hội nghị cấp cao; tổ chức các hội chợ thương mại và đầu tư, hình thức hợp tác giữa các tổ chuyên gia liên hợp nhằm nghiên cứu, trao đổi thông tin. Đến nay, đã có ba diễn đàn hợp tác kinh tế Vịnh Bắc bộ được tổ chức. Trung Quốc đánh giá hợp tác kinh tế Vịnh Bắc bộ mở rộng là theo xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khu vực, cho nên mang lại lợi ích lâu dài cho khu vực.

Trong chiến lược phát triển miền Tây và hợp tác kinh tế Vịnh Bắc bộ mở rộng cho thấy Việt Nam là đối tác hợp tác quan trọng, giữ vai trò cầu nối chính và có tính quyết định đến hiệu quả hợp tác Trung Quốc-ASEAN cũng như trong Quá trình hình thành cực tăng trưởng phía Tây của Trung Quốc.

Nguồn: Kết quả khảo sát tại tỉnh Quảng Tây về hợp tác khu vực nhằm chống khủng hoảng tài chính toàn cầu, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương. Tháng 4/2009.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính quốc tế, đẩy mạnh hợp tác khu vực Trung Quốc-ASEAN, đặc biệt là hợp tác Việt Nam-Trung Quốc bằng việc thúc đẩy thương mại vùng biên giới thông qua đề án xây dựng khu kinh tế xuyên biên giới Bằng Tường - Đồng Đăng cũng như hợp tác kinh tế Vịnh Bắc bộ mở rộng là các giải pháp quan trọng bên cạnh gói kích thích 4000 tỷ NDT của Trung ương. Giải pháp tiếp theo có tính dài hạn, nhưng

cũng có tác động trước mắt là đẩy mạnh hỗ trợ đối với mậu dịch biên giới Quảng Tây - Việt Nam. Hiện tại, phía Trung Quốc cho phép cư dân Việt Nam mỗi ngày được mua hàng miễn thuế có giá trị tối đa 8000 NDT thay vì chỉ được tối đa 3000 NDT như trước đây. Giải pháp này có thể tạo tác động lớn, góp phần duy trì tiêu thụ hàng hóa ở thị trường bên ngoài và duy trì việc làm cho một bộ phận nhỏ người lao động có thu nhập thấp.

2. Khủng hoảng tài chính quốc tế và cơ hội để thúc đẩy cải cách

Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới dù tác động tiêu cực đến nền kinh tế Trung Quốc, nhưng cũng có mặt tích cực ở chỗ làm lộ ra những yếu kém tồn tại lâu nay về mô hình phát triển kinh tế của nước này. Cuộc khủng hoảng đã chấm dứt chuỗi thời gian thành công của mô hình công nghiệp chế

biến dựa vào xuất khẩu, lệ thuộc vào thị trường tiêu thụ bên ngoài, nhất là từ sau khi gia nhập WTO. Một số đánh giá cho rằng Trung Quốc còn gặp phải vấn đề sản xuất hàng hóa thừa, trong khi gia tăng bất bình đẳng về phân phối thu nhập dẫn đến bất hợp lý trong cơ cấu cầu tiêu dùng. Nhận ra được bài học này sẽ là cơ hội tốt cho nghiên cứu, chuyển đổi mô hình phát triển.

Hộp 3: Bài học từ KHTCQT cho tỉnh Quảng Đông và phản ứng chính sách của tỉnh

Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu chính thức nổ ra từ tháng 8/2008, nhưng ảnh hưởng của nó đối với tỉnh Quảng Đông đã đến sớm hơn với dấu hiệu giảm kim ngạch xuất khẩu từ tháng 6/2008 và giảm mạnh từ quý 3/2008. Trong hai tháng đầu năm 2009, tác động của KHTCQT thể hiện qua sản lượng công nghiệp bị thu hẹp, vốn đầu tư thực hiện giảm 12%; kim ngạch xuất khẩu giảm 20% và một số chỉ tiêu kinh tế khác đều thấp hơn năm 2008.

Theo các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Đông, nguyên nhân khách quan khiến tỉnh bị ảnh hưởng nặng của KHTCQT chính là khủng hoảng tín dụng và sự lộ diện nền kinh tế bong bóng ở Mỹ. Do Mỹ là thị trường xuất khẩu chính của Quảng Đông, thị trường tiêu thụ này bị thu hẹp đã gây hệ quả nặng nề đến xuất khẩu và tăng trưởng của tỉnh.

Tuy nhiên, hệ quả mà tỉnh Quảng Đông phải gánh chịu từ KHTCQT còn xuất phát từ hai nguyên nhân chủ quan trọng, đó là cơ cấu ngành bất hợp lý kéo dài trong nhiều năm và chậm chuyển đổi cơ cấu hàng hóa theo hướng giá trị gia tăng cao. Những điểm yếu về cơ cấu ngành là phụ thuộc quá nhiều vào ngành công nghiệp chế biến (CNCB) hướng xuất khẩu, trong khi khu vực dịch vụ chậm phát triển. Hầu hết các ngành CNCB hiện có phát triển chiều rộng, chậm phát triển chiều sâu do thiếu công nghệ tiên tiến. Trong khi đó, thị trường tiêu thụ lại tập trung ở Mỹ cho nên đã làm tăng mức độ rủi ro khi có biến cố xảy ra đối với thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới này.

Quảng Đông là tỉnh có phản ứng chính sách nhanh để ứng phó với tác động của cuộc khủng hoảng. Trên thực tế, việc thực hiện gói kích thích kinh tế của Trung ương không san đều cho các tỉnh, mà phụ thuộc vào hoàn cảnh của từng tỉnh. Về nguyên tắc, hỗ trợ của Trung ương tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể và dành cho các tỉnh khó khăn. Do đó, Quảng Đông phải dựa vào nội lực của tỉnh. Ngay từ quý 3/2008, chính quyền tỉnh đã đưa ra 18 biện pháp kích cầu, tập trung cho đầu tư vào các ngành sử dụng công nghệ mới, đầu tư cho nông nghiệp, thủy lợi, nông thôn. Đồng thời, tỉnh đã chi 30 tỷ NDT cho lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường, bảo đảm mức sống tối thiểu cho người nghèo, giúp doanh nghiệp có khó khăn trong trả lương, trợ cấp xã hội, tăng 10% trợ cấp lương hưu, thực hiện tăng 20% lương tối thiểu cho người lao động. Cơ sở để tăng tiền lương tối thiểu là theo đánh giá của các cơ quan chức năng, khu vực doanh nghiệp, trước hết là doanh nghiệp xuất khẩu, đã tích lũy lợi nhuận trong thời gian dài trước đây. Mặc dù khó khăn, nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn tồn tại do còn tích lũy từ trước và vẫn có thể tăng lương cho người lao động. Do đó, giải pháp tăng lương tối thiểu được kỳ vọng như một biện pháp kích thích tiêu dùng trong nước.

Các giải pháp kích cầu khác hướng vào hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay ngân hàng. Tỉnh đề ra chương trình doanh nghiệp lớn giúp doanh nghiệp nhỏ tham gia hội chợ thương mại và bốn ngân hàng thương mại quốc doanh lớn cùng nhau ký kết hiệp định cho vay vốn đối với các doanh nghiệp nhỏ.

Các giải pháp chống tác động suy giảm kinh tế của KHTCQT được thực hiện theo hai giai đoạn. Từ cuối năm 2008 đến nay chủ yếu kích cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước. Tuy nhiên, tình cho rằng các giải pháp lâu dài và bền vững hơn chính là cần chuyển đổi mô hình phát triển ngành CNCB cho xuất khẩu trước đây sang mô hình phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ cao hơn. Các giải pháp ở giai đoạn sau tập trung vào tái cơ cấu và hiện đại hóa ngành CNCB, phát triển công nghiệp năng lượng, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ người nghèo.

Theo đánh giá của tỉnh, tuy các công cụ chính sách đã phân nào phát huy tác dụng, nhưng đến nay kết quả thu được vẫn không bù đắp được mất mát kinh tế đối với Quảng Đông do xuất khẩu giảm mạnh. Tuy vậy, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm lộ rõ những điểm yếu trong mô hình tăng trưởng dựa vào CNCB của Quảng Đông và tạo cơ hội để chuyển đổi mô hình, tái cơ cấu lại các ngành kinh tế.

Nguồn: Kết quả khảo sát về Tác động của KHTCQT đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, tháng 4/2009.

Bên cạnh nguy cơ, cuộc khủng hoảng tài chính cũng là cơ hội để thúc đẩy cải cách nhằm vượt qua khủng hoảng và tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên, Trung Quốc nhấn mạnh rằng KHTCQT chỉ là một nhân tố, bởi họ đã nhận thấy tiếp tục cải cách vẫn cần thiết ngay cả khi cuộc khủng hoảng không xảy ra. Để gói kích thích kinh tế có hiệu quả, phục vụ mục tiêu tăng trưởng trong ngắn và dài hạn thì đòi hỏi phải thúc đẩy cải cách, thể hiện ở ba điểm dưới đây.

Một là, duy trì tăng trưởng cần đi đôi với cải cách thể chế (được ví như phương thức hai bàn tay). Một mặt điều chỉnh chính sách, dùng gói tài chính để kích cầu đầu tư (bàn tay thứ nhất), mặt khác cải cách thể chế để thúc đẩy thị trường và phát huy những yếu tố tiềm năng cho tăng trưởng (bàn tay thứ hai). Kinh nghiệm cho thấy, các nước thường dùng bàn tay thứ nhất, chưa dùng bàn tay thứ hai là cải cách thể chế. Liên hệ trường hợp của Trung Quốc về gói kích thích kinh tế 4.000 tỷ NDT nhằm mục tiêu tăng trưởng 8 %, nếu chỉ dựa vào kích cầu sẽ khó đạt mục tiêu tăng trưởng.

Hai là, tăng trưởng cần đi đôi với tạo nhiều việc làm. Muốn vậy Trung Quốc cần thay đổi mô hình tăng trưởng được cho là không còn phù hợp nữa. Ví dụ như chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, dịch vụ xã hội cơ bản không được đáp ứng ở nông thôn cũng như đối với lao động nông thôn ra

thành thị. Đó là những rào cản cho tăng trưởng tạo nhiều việc làm.

Ba là, tiếp tục cải cách theo hướng thị trường, bao gồm:

- Cải cách cơ cấu, giảm và xóa bỏ độc quyền, chú trọng hơn chính sách vĩ mô trong trung hạn thay vì quá tập trung vào chính sách ngắn hạn như hiện nay.

- Cải cách lĩnh vực xã hội: nhiều vấn đề kinh tế có nguyên nhân xã hội, do lệch pha giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội (ví dụ phân phối không công bằng, dịch vụ công không tốt). Do đó, cần điều chỉnh chính sách xã hội tương ứng hướng tới người dễ bị tổn thương, tăng dịch vụ công nhằm tạo lòng tin đối với dân, đồng thời có tác động kích cầu tiêu dùng trong ngắn hạn. Về dài hạn đòi hỏi kết hợp cải cách kinh tế, cải cách xã hội và cải cách dịch vụ công.

- Tiếp tục mở cửa nền kinh tế, tăng cường hợp tác để chống bảo hộ mậu dịch, tăng hợp tác trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ với các nước khác. Thực hiện gói kích cầu lớn là thách thức lớn đối với khu vực công. Vai trò của Chính phủ là lôi cuốn đầu tư xã hội, không phủ nhận vai trò của thị trường. Muốn vậy, Chính phủ cần can thiệp một cách hiệu quả, thực hiện chức năng điều phối nguồn lực, điều chỉnh ngắn hạn cần hướng tới mục tiêu dài hạn (ví dụ khi giảm trợ cấp một số ngành). Đặc biệt là cần tăng vai trò đảm bảo dịch vụ công, tăng đầu tư cho giáo dục và y tế.

Những cải cách hướng thị trường nêu trên cần được tiến hành đồng thời với cải cách Chính phủ vốn đã trở thành trọng tâm của xu hướng cải cách trong giai đoạn mới theo tinh thần của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVI. Các đề xuất tiếp theo hiện nay là Chính phủ cần giảm can thiệp hành chính, quản lý theo tín hiệu thị trường, thực hiện tốt chức năng giám sát tài chính, hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, Chính phủ cần xác định rõ quan điểm chính trị là xây dựng lòng tin đối với dân chúng. Muốn vậy, cần giám sát bằng các chỉ tiêu, qui chế tiêu chuẩn và theo các nguyên tắc đã được chuẩn hóa thay vì quản lý bằng mệnh lệnh hành chính.

Ở Trung Quốc, hiệu quả quản lý của các chính quyền địa phương vẫn còn thấp, chưa được cải thiện đáng kể trong thời gian qua. Chính phủ thực hiện chức năng đảm bảo phúc lợi xã hội, giảm những nhân tố bất định ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội, tâm lý... Nếu những vấn đề này không được coi trọng xử lý sẽ dẫn đến khủng hoảng lòng tin của dân chúng đối với chính phủ. Năng lực ứng phó khủng hoảng của chính quyền còn thể hiện qua hiệu quả thực hiện trách nhiệm đảm bảo cung ứng dịch vụ xã hội cho người dân, ví dụ giải quyết tình trạng thất nghiệp, việc làm, giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội... Đó là những thách thức lớn đối với chính quyền địa phương trong đối phó với tác động của KHTCQT.

Nhìn chung, cuộc khủng hoảng đã đem lại bài học và gợi mở nhiều điều không chỉ đối với Trung Quốc mà còn cho các nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam. Việc nhận ra được những yếu điểm của mô hình tăng trưởng và phát triển bộc lộ từ tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu có ý nghĩa thiết thực cho công tác hoạch định chính sách nhằm sửa chữa, thậm chí chuyển đổi mô hình, tiến hành cải cách cơ cấu. Hơn nữa, bài học của Trung Quốc là không nên chỉ nhìn vào nguy cơ, mà cần thấy được cơ hội để đẩy mạnh cải cách.

Mặc dù chưa có đánh giá chính thức về tác động của gói kích thích kinh tế, nhưng phản ứng chính sách của Trung Quốc là kinh nghiệm tham khảo tốt cho Việt Nam. Để duy trì tăng trưởng và an sinh xã hội, thì bên cạnh thực hiện tốt các giải pháp kích

cầu cần đồng thời đẩy mạnh cải cách thể chế, tiếp tục đổi mới Chính phủ. Các giải pháp kích cầu nên tính đến tác động dài hạn bên cạnh tác động trước mắt; các chương trình hỗ trợ cần gắn với tạo nhiều việc làm, phát triển khu vực nông thôn, tăng đầu tư cho lĩnh vực xã hội. Song song với kích cầu tiêu dùng trong nước vẫn cần tiếp tục chính sách hội nhập, hợp tác khu vực và quốc tế để cùng nhau chống tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc.
- Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương: Báo cáo kết quả Diễn đàn quốc tế về cải cách kinh tế lần thứ sáu của các nền kinh tế chuyển đổi Châu Á tại Hải Khẩu, Hải Nam, Trung Quốc. Tháng 4/2009.
- Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương: Báo cáo kết quả khảo sát tại Nam Ninh, Quảng Tây về “Hợp tác vùng hình thành cực tăng trưởng mới và hợp tác khu vực nhằm chống khủng hoảng tài chính toàn cầu” và kết quả khảo sát tại Quảng Châu, Quảng Đông về “Tác động của KHTCQT đến Quảng Đông và phản ứng chính sách của tỉnh”. Tháng 4/2009.

- 1 Bài viết dựa vào các Báo cáo kết quả tại Diễn đàn quốc tế về cải cách kinh tế của các nền kinh tế chuyển đổi Châu Á lần thứ sáu, tổ chức tại Hải Khẩu, Hải Nam, Trung Quốc từ 28-29/3/2009 và Báo cáo khảo sát về tác động của khủng hoảng tài chính thế giới đến tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông, Trung Quốc từ 30/3-2/4/2009 do các tác giả biên soạn.
- 2 Số liệu lấy từ nguồn của Cục Thống kê quốc gia.
- 3 Theo Hiệp định thương mại hàng hóa giữa Trung Quốc và 6 thành viên cũ của ASEAN, đến năm 2010 thuế suất thuế xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ giảm xuống còn 0%, trong khi đối với số thành viên mới của ASEAN, giảm thuế quan sẽ kéo dài đến 2015. Việc giảm thuế quan trong khuôn khổ Trung Quốc-ASEAN không trái với cam kết WTO và thuận lợi hơn cho trao đổi hàng hóa trong khu vực. Sắp tới sẽ ký Hiệp định đầu tư Trung Quốc-ASEAN, hiệp định đầu tư Quảng Tây-ASEAN.
- 4 Có thể xem thêm về hướng cải cách và đổi mới Chính phủ Trung Quốc sau Đại hội Đảng lần thứ XVI trong bài viết “Triết lý phát triển và xu hướng cải cách của Trung Quốc- Đầu là thách thức” của các tác giả đã đăng trên Tạp chí Quản lý kinh tế, số 14, 5+6-2007.